

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026



Hà Nội, tháng 8 năm 2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 4
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 7
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT	
Báo cáo Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ	8 - 10
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	11
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	12 - 13
Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	14 - 65

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

TỔNG CÔNG TY

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (sau đây được gọi tắt là “Tổng Công ty”) tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công thương. Ngày 16/11/2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 15 ngày 13/7/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 15 ngày 13/7/2026 là: 1.419.915.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu MIE thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN ngày 01/4/2026.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trần Quốc Toàn	Chủ tịch	(Thôi giữ chức vụ ngày 26/6/2026)
Ông Lê Huy Hải	Chủ tịch	(Bầu mới ngày 26/6/2026)
Ông Vũ Trung Thực	Thành viên	(Bầu mới ngày 26/6/2026)
Ông Cù Ngọc Phương	Thành viên	(Chấm dứt nhiệm kỳ ngày 26/6/2026)
Bà Phạm Thị Mai Hương	Thành viên	(Bầu mới ngày 26/6/2026)

Ban Kiểm soát

Ông Đinh Quang Hòa	Trưởng ban	(Thôi giữ chức vụ ngày 26/6/2026)
Bà Lê Thị Minh Huyền	Trưởng ban	(Bầu mới ngày 26/6/2026)
Bà Nguyễn Thị Khánh Ly	Thành viên	(Miễn nhiệm ngày 26/6/2026)
Bà Phan Thị Lê Quỳnh	Thành viên	(Bầu mới ngày 26/6/2026)
Ông Phạm Minh Đức	Thành viên	(Bầu mới ngày 26/6/2026)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Lê Huy Hải	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26/6/2026)
Ông Vũ Trung Thực	Tổng Giám đốc	(Bổ nhiệm ngày 26/6/2026)
Ông Nguyễn Văn Giáp	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Cù Ngọc Phương	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Tô Hồng Dân	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Đậu Huy Ngọc Linh	Phó Tổng Giám đốc	

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, ngoài sự kiện đã nêu tại Thuyết minh số 7.2 “Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán”, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Tổng Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc tại ngày 30/6/2026 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế INPACT.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá, dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc nhầm lẫn;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện Ban Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thực

Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, được lập ngày 24/8/2026, từ trang 08 đến trang 65, bao gồm Báo cáo Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ

- (1) Như trình bày tại Thuyết minh số 5.3; Thuyết minh số 5.4; Thuyết minh số 5.5, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty đang tồn tại một số khoản công nợ tồn đọng tại ngày 30/6/2026 như sau: Phải thu khách hàng của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật: 59.039.493.041 VND; Trả trước cho người bán của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí: 20.549.503.289 VND; Phải thu khác của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật: 6.115.416.932 VND. Đây là những khoản công nợ tồn đọng tính đến thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa) nhưng chưa được xử lý khi xác định giá trị doanh nghiệp cũng như khi công bố giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và khoản Phải thu khách hàng của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh sau ngày 30/9/2014 đã quá hạn thanh toán tính đến ngày 30/6/2026 có giá trị: 21.152.771.745 VND (đã trích lập dự phòng: 943.707.113 VND).

Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ (Tiếp theo)

Tại thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Công ty mẹ và bốn Công ty con do Công ty mẹ sở hữu 100% vốn đang chờ Bộ Công thương phê duyệt quyết toán cổ phần hóa và xử lý các vấn đề liên quan trong đó có các khoản công nợ tồn đọng. Do đó, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng phải trích lập tại ngày 30/6/2026. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

- (2) Như trình bày tại Thuyết minh số 5.3; Thuyết minh số 5.4; Thuyết minh số 5.5, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty đang tồn tại một số khoản công nợ tồn đọng tại ngày 30/6/2026 như sau: Phải thu khách hàng: 328.790.740 VND, Trả trước cho người bán: 234.572.661 VND, Phải thu khác: 18.184.136.530 VND. Đây là các khoản nợ tồn đọng liên quan đến vụ án xảy ra tại Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con). Theo Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung do vụ án đang trong giai đoạn thi hành án nên Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung chưa xác định được tổn thất đối với các khoản nợ phải thu khó đòi trên. Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ này. Chúng tôi cũng không thể thực hiện được các thủ tục soát xét thay thế để đánh giá về giá trị dự phòng phải trích lập tại ngày 30/6/2026. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Kết luận ngoại trừ

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở đưa ra kết luận ngoại trừ”, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Các vấn đề cần nhấn mạnh

Như trình bày tại Thuyết minh số 4, Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty đã chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp ngày 20/01/2017. Tuy nhiên, đến ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa vẫn trong quá trình thực hiện. Do chưa được Bộ Công thương phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, Tổng Công ty chưa thực hiện bàn giao chính thức phần vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.20, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty đã điều chỉnh tăng chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” (Mã số 411) đồng thời tăng chỉ tiêu “Phải thu ngắn hạn khác” (Mã số 135) số tiền 1.280.511.999 VND nhằm điều chỉnh chỉ tiêu “Vốn góp của chủ sở hữu” trên Báo cáo Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ bằng (=) với Vốn điều lệ ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Tổng Công ty. Tại ngày phát hành Báo cáo này, Tổng Công ty và các đơn vị thành viên vẫn đang chờ Bộ Công thương phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Việc xử lý dứt điểm khoản chênh lệch nêu trên sẽ phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

Các vấn đề cần nhấn mạnh (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 5.18 “Phải trả khác” và Thuyết minh số 7.1.b “Thông tin khác”, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) được nhận bàn giao 3.500 m2 sàn nhà văn phòng của Dự án Tincom City tại 360 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã ghi nhận tăng tài sản nhưng chưa ghi nhận tăng vốn Nhà nước (tạm ghi nhận tăng khoản phải trả khác). Sau khi được sự đồng ý của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP và hướng dẫn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (Đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP), Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung sẽ ghi nhận tăng vốn Nhà nước theo giá trị tài sản được thẩm định giá.

Kết luận ngoại trừ của Chúng tôi không liên quan đến các vấn đề nêu trên.



Nguyễn Tài Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Giấy CN ĐKHN kiểm toán số: 0133-2023-137-1

Giấy Ủy quyền số: 11/2026/UQ-CPA VIETNAM ngày 02/01/2026 của Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	Trình bày lại	
			30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+160)	100		1.837.341.526.685	1.769.377.885.560
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	42.812.774.679	66.205.577.499
1. Tiền	111		23.312.774.679	18.657.576.345
2. Các khoản tương đương tiền	112		19.500.000.000	47.548.001.154
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	134.864.175.391	189.901.919.786
1. Chứng khoán kinh doanh	121		1.467.690.500	1.467.690.500
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	123		133.396.484.891	188.434.229.286
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		703.000.685.791	638.326.852.737
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	658.218.075.436	610.936.670.813
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	47.214.790.806	38.691.808.119
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		637.500.000	637.500.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	135	5.5	85.020.071.049	78.176.583.328
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	136	5.6	(88.089.751.500)	(90.115.709.523)
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	907.350.241.956	827.368.612.682
1. Hàng tồn kho	141		907.350.241.956	827.368.612.682
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	160		49.313.648.868	47.574.922.856
1. Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161	5.8	5.071.868.556	5.258.617.751
2. Thuế GTGT được khấu trừ	162		43.782.136.305	41.841.116.365
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	163	5.16	459.644.007	475.188.740
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260+270)	200		828.168.091.220	838.147.667.719
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		4.836.294.987	3.320.741.056
1. Phải thu dài hạn khác	215	5.5	4.836.294.987	3.320.741.056
II. Tài sản cố định	220		600.266.652.698	615.878.637.798
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	466.625.322.720	474.769.357.213
- Nguyên giá	222		963.721.360.052	956.010.810.054
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(497.096.037.332)	(481.241.452.841)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	5.10	103.758.477.396	110.586.159.829
- Nguyên giá	225		117.507.851.700	119.746.323.925
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(13.749.374.304)	(9.160.164.096)
3. Tài sản cố định vô hình	227	5.11	29.882.852.582	30.523.120.756
- Nguyên giá	228		41.733.692.956	41.733.692.956
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(11.850.840.374)	(11.210.572.200)

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

TÀI SẢN	MS	TM	Trình bày lại	
			30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
III. Bất động sản đầu tư	240	5.12	24.260.058.700	24.711.380.416
- Nguyên giá	241		33.755.261.371	33.755.261.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(9.495.202.671)	(9.043.880.955)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	250	5.13	48.336.490.903	48.665.457.776
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252		48.336.490.903	48.665.457.776
V. Đầu tư tài chính dài hạn	260	5.2	29.961.507.064	31.531.444.696
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	262		1.872.952.058	1.896.459.553
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	263		28.088.555.006	28.088.555.006
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	265		-	1.546.430.137
VI. Tài sản dài hạn khác	270		120.507.086.868	114.040.005.977
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	5.8	120.507.086.868	114.040.005.977
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	280		2.665.509.617.905	2.607.525.553.279
(280 = 100+200)				

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

NGUỒN VỐN	MS	TM	30/6/2026	01/01/2026
			VND	VND
C. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)	300		1.210.898.775.849	1.152.306.109.566
I. Nợ ngắn hạn	310		1.147.363.192.396	1.079.142.151.966
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.14	256.023.522.102	240.605.863.651
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	88.114.914.030	67.393.513.711
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.16	64.399.444.493	60.520.653.078
4. Phải trả người lao động	315		47.831.527.856	52.517.391.274
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	5.17	27.777.011.004	25.991.866.762
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319		3.324.682.960	4.068.416.189
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	5.18	75.817.988.751	75.750.478.355
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	5.19	563.443.077.846	530.260.975.009
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	322		774.281.917	484.938.213
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		19.856.741.437	21.548.055.724
II. Nợ dài hạn	330		63.535.583.453	73.163.957.600
1. Chi phí phải trả dài hạn	334	5.17	-	1.794.693.736
2. Phải trả dài hạn khác	338	5.18	3.144.462.854	3.065.601.507
3. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	5.19	60.391.120.599	67.956.696.137
4. Dự phòng phải trả dài hạn	343		-	346.966.220
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	5.20	1.454.610.842.056	1.455.219.443.713
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		1.419.915.000.000	1.418.634.488.001
2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		(1.202.379.963)	(1.202.379.963)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		34.192.745.381	34.192.745.381
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(37.566.679.572)	(34.482.492.321)
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	420a		(39.958.317.645)	(49.268.617.256)
- LNST chưa phân phối kỳ này	420b		2.391.638.073	14.786.124.935
5. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		39.272.156.210	38.077.082.615
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		2.665.509.617.905	2.607.525.553.279

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Hiền

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thực

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	6.1	752.123.935.613	683.716.661.517
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	6.2	270.160.000	201.494.544
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		751.853.775.613	683.515.166.973
4. Giá vốn hàng bán	11	6.3	663.850.471.909	598.823.502.754
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		88.003.303.704	84.691.664.219
6. Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý BĐS đầu tư	21		-	-
7. Doanh thu hoạt động tài chính	22	6.4	6.706.479.496	6.683.275.453
8. Chi phí tài chính	23	6.5	29.455.162.565	20.771.586.195
Trong đó: Chi phí lãi vay	24		27.115.131.564	20.293.162.963
9. Chi phí bán hàng	25	6.6	8.286.679.812	12.419.104.059
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	6.6	47.602.221.551	57.934.460.256
11. Phần lãi (lỗ) trong công ty liên kết, liên doanh	27		-	-
12. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 + 22 - (23 + 25 + 26) + 27}	30		9.365.719.272	249.789.162
13. Thu nhập khác	31	6.7	1.190.642.111	72.880.614.494
14. Chi phí khác	32	6.7	1.891.910.515	65.944.600.042
15. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40	6.7	(701.268.404)	6.936.014.452
16. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		8.664.450.868	7.185.803.614
17. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	6.8	4.732.737.224	1.208.302.132
18. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
19. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		3.931.713.644	5.977.501.482
20. Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		2.391.638.073	5.656.240.604
21. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.540.075.571	321.260.878
22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	6.9	17	31

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Hiền

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thực

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		8.664.450.868	7.185.803.614
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		22.262.810.786	19.982.973.031
Các khoản dự phòng	03		(2.083.580.539)	9.070.420.221
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(197.294.201)	(1.161.384.626)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(6.281.397.487)	(13.007.769.309)
Chi phí đi vay	06		27.115.131.564	20.293.162.963
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08		49.480.120.991	42.363.205.894
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.602.814.005	110.345.022.454
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(79.981.629.271)	(40.962.723.980)
Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(57.674.544.233)	(143.738.415.922)
Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(6.280.331.696)	12.924.515.787
Chi phí đi vay đã trả	14		(27.059.035.673)	(19.988.209.977)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(2.258.891.323)	(1.161.564.396)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		181.337.061	274.810.660
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.644.728.110)	(3.383.423.192)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(102.634.888.251)	(43.326.782.672)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(9.848.013.117)	(2.687.015.386)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		18.181.818	77.653.519.882
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(31.800.000.000)	(126.139.068.310)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		88.767.016.235	108.639.068.310
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.809.874.202	4.821.676.253
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		52.947.059.138	62.288.180.749

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

CHỈ TIÊU	MS	TM	Cho kỳ kế toán	Cho kỳ kế toán
			kết thúc ngày	kết thúc ngày
			30/6/2026	30/6/2025
			VND	VND
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		386.446.721.488	385.712.736.948
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(353.333.468.651)	(386.343.466.896)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		(6.931.472.621)	(32.310.337.586)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>26.181.780.216</i>	<i>(32.941.067.534)</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(23.506.048.897)	(13.979.669.457)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	5.1	66.205.577.499	65.798.590.433
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		113.246.077	213.468.370
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	5.1	42.812.774.679	52.032.389.346

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Hiền

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thực

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP tiền thân là Tổng Công ty Nhà nước với tên gọi là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp. Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 155/HĐBT ngày 12/5/1990 của Hội đồng Bộ trưởng (nay là Chính phủ) và thành lập lại theo Quyết định số 1117/QĐ/TCCBĐT ngày 27/10/1995 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công thương). Tổng Công ty được chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con theo Quyết định số 3168/QĐ-BCT ngày 15/6/2010 của Bộ Công Thương. Ngày 16/11/2015, Tổng Công ty được Bộ Công thương quyết định xác định giá trị doanh nghiệp để chuyển đổi sang Công ty Cổ phần theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT.

Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần với tên giao dịch là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 07 ngày 20/01/2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi các lần và thay đổi lần thứ 15 ngày 13/7/2026 về việc thay đổi người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty do Sở Tài chính thành phố Hà Nội cấp.

Vốn Điều lệ của Tổng Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần thay đổi lần thứ 15 ngày 13/7/2026 là: 1.419.915.000.000 VND (Bằng chữ: Một nghìn, bốn trăm mười chín tỷ, chín trăm mười lăm triệu đồng).

Tên giao dịch quốc tế: MACHINES AND INDUSTRIAL EQUIPMENT CORPORATION.

Tên viết tắt là: MIE.

Cổ phiếu của Tổng Công ty hiện đang được giao dịch trên sàn UpCOM với mã giao dịch là MIE.

Tại ngày Báo cáo này, cổ phiếu MIE thuộc diện bị duy trì diện bị cảnh báo theo Quyết định số 289/QĐ-SGDHN ngày 01/4/2026.

Trụ sở chính Tổng Công ty đặt tại số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Sản xuất chế tạo sản phẩm cơ khí (thiết bị toàn bộ, thiết bị lẻ, kim khí tiêu dùng, chi tiết cụm, chi tiết phụ tùng);
- Đầu tư, xây dựng, chế tạo, lắp đặt, vận hành và chuyển giao các nhà máy nhiệt điện, thủy điện độc lập;
- Xây lắp các công trình công nghiệp và dân dụng, công trình giao thông đường bộ, công trình thủy lợi, các công trình hạ tầng đô thị;
- Tư vấn đầu tư và dịch vụ kỹ thuật công nghệ, công nghiệp; Kinh doanh thương mại...

1.3 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty có các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết, đơn vị trực thuộc như sau:

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
I. Công ty con				
1. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	Sản xuất chế tạo máy, cắt gọt kim loại, thiết bị công nghệ; Xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp, xuất nhập khẩu và kinh doanh thiết bị công nghiệp vật tư;...	Số 76 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội	100%	100%
2. Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung	Thiết kế, chế tạo công nghệ dây chuyền bột giấy, chế tạo các kết cấu thép, thiết bị phụ tùng công nghiệp, kiểm tra X quang thiết bị chịu áp lực; Sản xuất các sản phẩm giấy, nhập khẩu thiết bị vật tư, kinh doanh kho bãi văn phòng, xuất nhập khẩu thiết bị điện, điện tử công nghiệp dân dụng.	Số 360 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, TP. Hà Nội	100%	100%
3. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí	Mua bán, xuất nhập khẩu đồ gia dụng, nông sản, máy móc thiết bị, sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí;...	Số 4 Vũ Ngọc Phan, phường Láng, TP. Hà Nội	100%	100%
4. Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	Kinh doanh xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Ủy thác và nhận ủy thác xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá; Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận; Môi giới thương mại;...	Số 13 Phố Đặng Dung, phường Ba Đình, TP. Hà Nội	100%	100%
5. Công ty CP Cơ khí Duyên Hải	Sản xuất kinh doanh thiết bị máy móc, phụ tùng công nghiệp, hộp giảm tốc các loại khung nhà xưởng, thép cán xây dựng thép hình; Xuất nhập khẩu máy móc thiết bị.	Số 133, đường 5 cũ, phường Hồng An, TP. Hải Phòng	98,189%	98,189%
6. Công ty CP Dụng cụ số 1	Kinh doanh các sản phẩm công nghiệp và dụng cụ đo lường cơ khí.	Số 108 đường Nguyễn Trãi, phường Thanh Xuân, TP. Hà Nội	51%	51%

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC

Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.4 Cấu trúc doanh nghiệp (Tiếp theo)

Tên	Ngành nghề kinh doanh	Địa chỉ	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ biểu quyết
II. Công ty liên doanh, liên kết				
1. Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	Kinh doanh siêu thị, nhà hàng, khách sạn, dự án đầu tư.	Tầng 1, số 201 đường Minh Khai, phường Bạch Mai, TP. Hà Nội	20%	20%
III. Đơn vị trực thuộc				
1. Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (*)	Giao dịch, mua bán máy móc thiết bị, vật tư công nghiệp; Xây dựng các công trình công nghiệp và dân dụng, các công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; ...	901 Hồng Bàng, phường Bình Tây, TP. Hồ Chí Minh	100%	100%
2. Công ty Xây lắp công nghiệp	Chuẩn bị mặt bằng; Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại; Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí; ...	Số 7A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội	100%	100%
3. Công ty Tư vấn Đầu tư và Dịch vụ Kỹ thuật công nghiệp	Tư vấn đầu tư, dịch vụ công nghiệp và chuyển giao công nghệ; Thực hiện các nhiệm vụ do Tổng Công ty ủy quyền.	Số 7A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội	100%	100%

(*) Chi nhánh Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (đơn vị trực thuộc) tạm ngừng hoạt động trong thời hạn 01 năm kể từ ngày 01/12/2025 đến hết ngày 30/11/2026 căn cứ theo Quyết định số 818/QĐ-MIE-TCNS ngày 06/11/2025 của Tổng Giám đốc Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP và Giấy xác nhận tạm ngừng hoạt động được cấp bởi Phòng Đăng ký kinh doanh - Tài chính doanh nghiệp thuộc Sở Tài chính của thành phố Hồ Chí Minh ngày 12/11/2025.

1.5 Số lượng người lao động của Tổng Công ty tại thời điểm 30/6/2026

Tổng số lao động của Tổng Công ty và các Công ty con tại ngày 30/6/2026 là: 820 người (tại ngày 31/12/2025 là 837 người).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

1.6 Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 27/10/2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp. Thông tư này thay thế cho Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 của Bộ Tài chính. Thông tư số 99/2025/TT-BTC áp dụng cho năm tài chính bắt đầu hoặc sau ngày 01/01/2026.

Tổng Công ty đã áp dụng các hướng dẫn của Thông tư số 99/2025/TT-BTC kể từ ngày 01/01/2026. Trường hợp việc áp dụng Thông tư này làm thay đổi cách trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Tổng Công ty sẽ thực hiện trình bày lại hoặc phân loại lại số liệu so sánh theo quy định. Do đó, các thông tin và số liệu kế toán trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ là có thể so sánh được do đã được tính toán và trình bày nhất quán.

2. KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ:

Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập phù hợp với Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư số 43/2026/TT-BTC ngày 20/4/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 202/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ của Tổng Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty do Tổng Công ty kiểm soát (các Công ty con) được lập cho đến ngày 30/6/2026. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các Công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các Công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính giữa niên độ của các Công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và các Công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các Công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại Công ty con phải được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của Công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Quyết toán Cổ phần hóa

Tổng Công ty đã chính thức hoạt động dưới hình thức Công ty Cổ phần theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp cấp ngày 20/01/2017. Tuy nhiên, đến ngày phát hành Báo cáo này, các công việc liên quan đến quyết toán cổ phần hóa vẫn trong quá trình thực hiện. Do chưa được Bộ Công Thương phê duyệt quyết toán giá trị phần vốn Nhà nước tại thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần, Tổng Công ty chưa thực hiện bàn giao chính thức phần vốn Nhà nước sang Công ty Cổ phần.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc áp dụng tỷ giá hối đoái**

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND, ngoại trừ các khoản tiền gửi không kỳ hạn, được quy đổi sang VND, theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty thường xuyên có giao dịch. Tổng Công ty không thực hiện quy đổi đối với một phần hoặc toàn bộ giá trị nợ phải thu có gốc ngoại tệ đã được trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi.

Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản tiền gửi.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ và được trình bày theo số thuần trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh bao gồm các loại chứng khoán nắm giữ vì mục đích kinh doanh (kể cả các chứng khoán có thời gian đáo hạn trên 12 tháng mua vào, bán ra để kiếm lời), như: Cổ phiếu, trái phiếu niêm yết trên thị trường chứng khoán; Các loại chứng khoán và công cụ tài chính khác.

Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Tổng Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Chứng khoán niêm yết được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0);
- Chứng khoán chưa niêm yết được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Tổng Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng và các khoản cho vay.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc sau đó được xác định theo giá trị ghi sổ bao gồm gốc và lãi được hưởng đến ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ sau khi trừ dự phòng tổn thất (nếu có). Dự phòng tổn thất đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trình bày riêng biệt trên Báo cáo Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)***Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác*

Các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Tổng Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ.

Các khoản phân phối lợi nhuận mà Tổng Công ty nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các Công ty liên kết sau ngày Tổng Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ của Tổng Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất của các khoản góp vốn liên doanh, đầu tư vào Công ty liên kết và đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được đánh giá và xem xét lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và gặp khó khăn trong việc thu hồi, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung (nếu có), để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập khi có những bằng chứng tin cậy về sự suy giảm của giá trị thuần có thể thực hiện được so với giá gốc của hàng tồn kho.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Tổng Công ty.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản, cụ thể như sau:

Tài sản	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	30 - 50
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải truyền dẫn	03 - 06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05
Tài sản cố định hữu hình khác	05 - 15

Khi Tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong kỳ.

Nguyên tắc kế toán thuê tài chính

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được coi là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả về thuê tài chính trên Báo cáo Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	10 - 15

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty là phần mềm máy tính được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Tổng Công ty.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính là 05 năm.

Tài sản cố định vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc kế toán và khấu hao Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư bao gồm quyền sử dụng đất và nhà cửa, vật kiến trúc do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của Bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ các chi phí (tiền và tương đương tiền) mà Tổng Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được Bất động sản đầu tư tính tới thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành Bất động sản đầu tư đó.

Các chi phí liên quan đến Bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu phải được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho Bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá Bất động sản đầu tư.

Bất động sản đầu tư cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Số năm

40 - 50

Nhà

Thanh lý: Lãi và lỗ do thanh lý Bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của Bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của Tổng Công ty.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tổng Công ty bao gồm: Công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và chi phí khác.

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng, chi phí sửa chữa và chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 36 tháng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả người bán, phải trả khác được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Tổng Công ty.

Các khoản nợ phải trả này được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: Gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Tổng Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Tổng Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa Công ty mẹ và Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác: Gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chờ phân bổ**

Doanh thu chờ phân bổ gồm: Doanh thu nhận trước (số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng).

Doanh thu nhận trước được phân bổ theo phương pháp đường thẳng căn cứ trên số kỳ đã thu tiền trước.

Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ phải trả thuê tài chính

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Tổng Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng có thể được trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó thực sự phát sinh thì khoản chênh lệch (nếu có) được ghi bổ sung hoặc ghi giảm tương ứng.

Nguyên tắc ghi nhận cổ tức phải trả

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty theo uỷ quyền của Đại hội đồng cổ đông và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận chưa phân phối là lợi nhuận sau thuế sau khi thực hiện việc chia cổ tức cho các thành viên dựa trên tỷ lệ vốn góp theo quyết định của Hội đồng quản trị và sau khi trích lập các quỹ theo Điều lệ Tổng Công ty và quy định của pháp luật Việt Nam.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu***Doanh thu bán hàng hóa, sản phẩm***

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thoả mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Tổng Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Báo cáo Tình hình tài chính giữa niên độ; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy thì:

Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Tổng Công ty tự xác định vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy, thì:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)****Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu**

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng.

Hàng bán bị trả lại: Do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư; Giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Chi phí tài chính khác.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: Là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập phải nộp được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong kỳ tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất hiện hành là 20% trên thu nhập tính thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP THEO)**Các Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là Bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các Bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Tổng Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp và lắp đặt các thiết bị công nghiệp và chủ yếu hoạt động tập trung tại khu vực thành phố Hà Nội. Do đó, Tổng Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền	30/6/2026	Trình bày lại 01/01/2026
	VND	VND
Tiền mặt	4.963.335.174	2.604.730.407
{i} Tiền gửi không kỳ hạn	18.349.439.505	16.052.845.938
{ii} Các khoản tương đương tiền	19.500.000.000	47.548.001.154
Tổng	42.812.774.679	66.205.577.499

{i} Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, gồm:

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	7.577.796.936	528.598.880
Ngân hàng TMCP Á Châu	3.836.573.926	4.650.792.602
Ngân hàng khác	6.935.068.643	10.873.454.456
Tổng	18.349.439.505	16.052.845.938

{ii} Các khoản tương đương tiền, gồm:

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	3.000.000.000	19.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội	10.500.000.000	7.500.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	4.000.000.000	11.000.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu	-	8.048.001.154
Ngân hàng khác	2.000.000.000	2.000.000.000
Tổng	19.500.000.000	47.548.001.154

Các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc không quá 03 tháng tại các ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 4,4%/năm - 4,75%/năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC CHỈ TIÊU TRONG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

5.2 Các khoản đầu tư tài chính

Đơn vị tính: VND

a) Chứng khoán kinh doanh

	30/6/2026				01/01/2025			
	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Số lượng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Tổng Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Thương mại Việt Nam (Mã chứng khoán: CTX)	7.625	378.200.000	41.937.500	-	7.625	378.200.000	73.962.500	-
(i) Ngân hàng TMCP An Bình (Mã chứng khoán: ABB)	26.943	1.089.430.000	495.751.200	-	26.943	1.089.430.000	431.088.000	-
Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Mã chứng khoán: EIB)	5	60.500	105.000	-	5	60.500	106.500	-
Tổng	34.573	1.467.690.500	537.793.700	-	34.573	1.467.690.500	505.157.000	-

Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh được xác định căn cứ vào số lượng và giá đóng cửa của cổ phiếu đó trên thị trường chứng khoán Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

- (i) Là khoản đầu tư tài chính của Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh trước thời điểm 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp). Tại thời điểm phát hành Báo cáo này, việc xử lý khoản đầu tư tài chính nêu trên cùng với các khoản đầu tư khác đang chờ kết quả phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp - CTCP. Do vậy, Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán nêu trên.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	30/6/2026			Trình bày lại		
				01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
b.1 Ngắn hạn {i}	133.396.484.891	133.396.484.891	-	188.434.229.286	188.434.229.286	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (từ 03 tháng đến 12 tháng)</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	43.000.000.000	43.000.000.000	-	51.000.000.000	51.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	9.372.052.075	9.372.052.075	-	15.372.052.075	15.372.052.075	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	36.000.000.000	36.000.000.000	-	37.000.000.000	37.000.000.000	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	9.500.000.000	9.500.000.000	-	21.000.000.000	21.000.000.000	-
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	5.345.590.368	5.345.590.368	-	9.150.410.959	9.150.410.959	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	7.000.000.000	7.000.000.000	-	-	-	-
Ngân hàng TMCP Tiên Phong	12.000.000.000	12.000.000.000	-	52.767.016.235	52.767.016.235	-
Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	8.800.000.000	8.800.000.000	-	-	-	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (lãi dự thu)</i>						
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	848.315.068	848.315.068	-	400.519.178	400.519.178	-
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	128.258.367	128.258.367	-	530.109.682	530.109.682	-
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	967.050.684	967.050.684	-	344.902.739	344.902.739	-
Ngân hàng TMCP Á Châu	187.372.601	187.372.601	-	591.713.699	591.713.699	-
Ngân hàng TM TNHH MTV Dầu khí Toàn Cầu	22.034.084	22.034.084	-	237.240.335	237.240.335	-
Ngân hàng TMCP Quân Đội	213.839.041	213.839.041	-	40.264.384	40.264.384	-
Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	11.972.603	11.972.603	-	-	-	-

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Tiếp theo)**

	30/6/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng
b.2 Dài hạn	-	-	-	1.546.430.137	1.546.430.137	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn còn lại trên 12 tháng</i>						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	-	1.500.000.000	1.500.000.000	-
<i>Tiền gửi có kỳ hạn (lãi dự thu)</i>						
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	-	-	-	46.430.137	46.430.137	-
Tổng	133.396.484.891	133.396.484.891	-	189.980.659.423	189.980.659.423	-

{i} Các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ trên 03 tháng đến 12 tháng tại các ngân hàng thương mại, lãi suất từ 4,3% /năm - 8,85% /năm;

Tại ngày 30/6/2026, số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn đang được Công ty mẹ sử dụng làm tài sản đảm bảo cho khoản vay (hoặc chuẩn bị vay) tại các ngân hàng thương mại là 62.872.052.075 VND và các Công ty con đang sử dụng số dư các khoản tiền gửi có kỳ hạn là 20.800.000.000 VND làm tài sản đảm bảo cho khoản vay tại các ngân hàng thương mại.

Chi tiết tại Thuyết minh số 5.21.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)

c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh	100.000.000	100.000.000	-	123.507.495	123.507.495	-
(*) Liên doanh tòa nhà IBC 37 Tràng Thi	-	-	-	23.507.495	23.507.495	-
Công ty Cổ phần Công đoàn Giấy	100.000.000	100.000.000	-	100.000.000	100.000.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	1.772.952.058	1.772.952.058	-	1.772.952.058	1.772.952.058	-
{1} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội	1.772.952.058	1.772.952.058	-	1.772.952.058	1.772.952.058	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	28.088.555.006	28.088.555.006	-	28.088.555.006	28.088.555.006	-
{2} Công ty CP Sàn giao dịch Bất động sản thành phố Hoàng Gia	9.520.000.000	9.520.000.000	-	9.520.000.000	9.520.000.000	-
{3} Công ty CP Đá Mài Hải Dương	3.381.542.806	3.381.542.806	-	3.381.542.806	3.381.542.806	-
{4} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng	1.432.012.200	1.432.012.200	-	1.432.012.200	1.432.012.200	-
{5} Công ty CP Xi măng Đồng Bành	12.905.000.000	12.905.000.000	-	12.905.000.000	12.905.000.000	-
a. Vốn góp của các cổ đông khác	11.585.000.000	11.585.000.000	-	11.585.000.000	11.585.000.000	-
b. Vốn góp của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (khoản đầu tư của Mecanimex)	1.320.000.000	1.320.000.000	-	1.320.000.000	1.320.000.000	-
Công ty CP Café HASA	850.000.000	850.000.000	-	850.000.000	850.000.000	-
Tổng	29.961.507.064	29.961.507.064	-	29.985.014.559	29.985.014.559	-

(*) Phân loại sang khoản mục “Phải thu dài hạn khác”.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (Tiếp theo)**c) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (Tiếp theo)**

{1} Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội: Vốn Điều lệ là 90.000.000.000 VND chia thành 900.000 cổ phần, Tổng Công ty sở hữu 20% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.800.000.000 VND. Tại ngày 20/01/2017, Tổng Công ty tiến hành đánh giá khoản đầu tư tài chính theo quy định và giá trị đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Thương mại Sài Gòn - Hà Nội được Tổng Công ty ghi nhận là 1.772.952.058 VND.

{2} Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản thành phố Hoàng Gia (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Địa ốc Hoàng Gia) có Vốn Điều lệ là 2.443.000.000.000 VND. Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội là một trong số các cổ đông sáng lập Công ty Cổ phần Sàn giao dịch Bất động sản thành phố Hoàng Gia với tỷ lệ sở hữu tại thời điểm góp vốn là 2,149%.

{3} Công ty CP Đá Mài Hải Dương: Được chuyển đổi từ Công ty Đá Mài trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.000.000.000 VND, chiếm 2,22% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Căn cứ vào kết quả xác định giá trị đã được phê duyệt, khoản đầu tư này được đánh giá là 1.631.736.071 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 3.717.410.306 VND. Tại ngày 30/6/2026, giá trị khoản đầu tư này được ghi nhận là 3.381.542.806 VND (Tổng Công ty nhận được khoản cổ tức của giai đoạn trước, sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần).

{4} Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng: Được chuyển đổi từ Nhà Máy Cơ khí Chế tạo Hải Phòng trực thuộc Tổng Công ty. Khoản đầu tư này ban đầu được Tổng Công ty ghi nhận là 1.037.690.000 VND, chiếm 10% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 1.463.141.355 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần), căn cứ vào giá giao dịch cổ phiếu của Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng, Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 1.432.012.200 VND. Ngày 27/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 269/CV-MIE-HĐQT gửi Bộ Công thương về việc thoái vốn MIE đầu tư tại Công ty CP Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Ngày 04/5/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 3475/BCT-CN đồng ý về việc thoái hết phần vốn Tổng Công ty đầu tư tại Công ty Cổ phần Cơ khí Chế tạo Hải Phòng. Tuy nhiên việc thoái vốn không thành công và Tổng công ty đã báo cáo với Bộ Công thương.

{5} Công ty CP Xi măng Đồng Bành: Vốn Điều lệ là 301.000.000.000 VND. Ban đầu, khoản đầu tư này được Tổng Công ty ghi nhận là 31.200.000.000 VND, chiếm 10,37% cổ phiếu có quyền biểu quyết. Khoản đầu tư này được đánh giá lại theo Quyết định số 12494/QĐ-BCT ngày 16/11/2015 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc xác định giá trị Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp thuộc Bộ Công thương để cổ phần hóa tại ngày 30/9/2014 là 27.298.839.658 VND. Tại ngày 20/01/2017 (thời điểm chính thức chuyển thành Công ty Cổ phần), Tổng Công ty định giá lại khoản đầu tư này và ghi nhận giá trị khoản đầu tư là 12.905.000.000 VND.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị Dự phòng
Ngắn hạn	658.218.075.436	(86.277.963.316)	610.936.670.813	(89.021.289.751)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	39.836.297.736	(7.100.000.000)	39.836.297.736	(7.100.000.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Bạch Đằng Trường Giang	33.958.921.221	(2.866.095.627)	41.879.733.221	(5.198.206.086)
Công ty TNHH 289	41.381.769.610	(29.392.227.062)	45.381.769.610	(29.392.227.062)
Công ty Cổ phần Nam Vang	45.106.854.941	(15.124.777.157)	45.706.854.941	(15.124.777.157)
Công ty TNHH đầu tư và thương mại công nghiệp Hưng Phát	74.267.777.373	-	62.308.335.266	-
Công ty Cổ phần xuất nhập khẩu thiết bị công nghệ HHT	42.076.217.139	-	7.896.525.339	-
Công ty Cổ phần Cơ khí Thương mại Hồng Tín	52.767.907.823	-	40.346.996.278	-
(1) Khách hàng của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp	328.790.740	-	328.790.740	-
(2) Công ty TNHH Đầu tư Công nghệ và Thương mại Việt Nam	28.315.360.500	-	28.315.360.500	-
(2) Các khách hàng khác tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật	30.724.132.541	-	30.724.132.541	-
(3) Công ty CP TM & SX Thiên Hoàng Long	17.770.658.123	-	17.818.906.523	-
(3) Các khách hàng khác tại Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm Cơ khí	3.363.865.222	(943.707.113)	3.363.865.222	(973.707.113)
Thu đối tượng khác	248.319.522.467	(30.851.156.357)	247.029.102.896	(31.232.372.333)
Tổng	658.218.075.436	(86.277.963.316)	610.936.670.813	(89.021.289.751)

Phải thu khách hàng bao gồm những khoản công nợ tồn đọng của các Công ty con của Tổng Công ty, gồm:

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.3 Phải thu của khách hàng (Tiếp theo)**(1) Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung**

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung với số tiền là 328.790.740 VND.

Ngoài khoản công nợ phải thu nói trên, Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp còn có các khoản nợ tồn đọng khác, gồm: Phải thu khác với số tiền 18.184.136.530 VND (Thuyết minh số 5.5 - “Phải thu khác”), Trả trước cho người bán: 234.572.661 VND (Thuyết minh số 5.4 - “Trả trước cho người bán”), Phải trả người bán: 10.527.414.264 VND (Thuyết minh số 5.14 - “Phải trả người bán”) và khoản vay với tổng số tiền là 1.446.904.132 VND (Thuyết minh số 5.19 - “Vay và nợ thuê tài chính”).

Các khoản công nợ tồn đọng trên có liên quan đến vụ án và cùng một đối tượng là ông Nguyễn Duy Xuyên - nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Do có những dấu hiệu cố ý làm trái quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế gây hậu quả nghiêm trọng, Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định số 142/PC44 (Đ2) ngày 19/4/2013 khởi tố vụ án hình sự, Quyết định số 572/PC44(Đ2) ngày 05/8/2013 và lệnh bắt tạm giam số 76/PC44(Đ2) cùng ngày khởi tố bị can đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên.

Ngày 11/8/2022, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội đã ban hành Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT đối với vụ án hình sự này và do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 50/2020/HS-ST ngày 14/02/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội. Hiện nay, Công ty vẫn đang theo sát quá trình thi hành án, sau khi xác định được tổn thất liên quan đến vụ án, Công ty sẽ thực hiện các xử lý tài chính tiếp theo.

(2) Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (sau đây gọi tắt là “Techno Import”) với số tiền là 59.039.493.041 VND quá hạn thanh toán tính đến 30/9/2014 (thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Tổng Công ty) phát sinh từ những giao dịch bán hàng hóa. Hiện tại, Công ty này cùng với Công ty mẹ đang chờ phê duyệt quyết toán cổ phần hóa của cấp có thẩm quyền và thực hiện thoái vốn theo chủ trương, do vậy, Techno Import chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với các khoản công nợ tồn đọng này.

(3) Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí

Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí phát sinh sau ngày 30/9/2014, chưa đối chiếu, xác nhận, được đánh giá tổn thất là 21.152.771.745 VND (Công ty đã trích lập dự phòng: 943.707.113 VND).

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.4 Trả trước cho người bán

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị Dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị Dự phòng
Ngắn hạn	47.214.790.806	(744.878.412)	38.691.808.119	(77.000.000)
Công ty Cổ phần Sản xuất và Thương mại Hoàng Đạt	2.426.141.402	-	1.605.000.000	-
Công ty TNHH Dịch vụ xây lắp Bảo Diệp	4.717.514.226	-	3.238.777.602	-
Công ty Cổ phần Kết cấu thép và Thiết bị nâng hạ Hoàng Anh	3.332.158.000	-	-	-
(*) Công ty TNHH Hoàng Nam	6.683.910.393	-	6.683.910.393	-
(*) Chi nhánh Cty TNHH TM và DV Sài Gòn CaLi	8.028.886.473	-	8.028.886.473	-
(*) Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên	4.045.239.997	(667.878.412)	4.045.239.997	-
(*) Công ty TNHH Trà - Cà phê Trường Thọ	1.206.227.898	-	1.206.227.898	-
(*) Công ty CP Cà phê HASA	585.238.528	-	585.238.528	-
(**) Khách hàng của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp	234.572.661	-	234.572.661	-
Các khách hàng khác	15.954.901.228	(77.000.000)	13.063.954.567	(77.000.000)
Tổng	47.214.790.806	(744.878.412)	38.691.808.119	(77.000.000)

(*) Khoản công nợ tồn đọng tại Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí, bao gồm khoản tiền ứng trước cho các hợp đồng mua hàng hóa (phát sinh trước thời điểm 30/9/2014) nhưng đã bị hủy mà Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí chưa thu hồi được với số tiền là 20.549.503.289 VND. Công ty TNHH MTV XNK Sản phẩm Cơ khí vẫn đang chờ các cấp có thẩm quyền xem xét, xử lý khoản công nợ này khi phê duyệt quyết toán cổ phần hóa.

(**) Khoản nợ xấu của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp - đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) phát sinh trong giai đoạn ông Nguyễn Duy Xuyên làm Giám đốc điều hành của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp. Hiện tại, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung vẫn đang trong giai đoạn xử lý các vấn đề tồn tại của Xí nghiệp nhưng có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên và các cá nhân khác có liên quan.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

5.5 Phải thu khác

	30/6/2026		Trình bày lại 01/01/2026	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	85.020.071.049	(429.409.772)	78.176.583.328	(379.919.772)
Phải thu về cổ phần hóa	5.294.615.031	-	5.294.615.031	-
Ký cược, ký quỹ	17.717.180.193	-	16.124.890.593	-
(*) Vốn điều lệ thiếu do Bộ Công thương chưa phê duyệt quyết toán Cổ phần hoá	1.280.511.999	-	-	-
Bảo hiểm xã hội	209.367	-	470.408	-
(**) Tạm ứng	14.392.396.134	(136.386.710)	9.723.104.629	(136.386.710)
{1} Phải thu của Nguyễn Duy Xuyên và đối tượng liên quan	18.184.136.530	-	18.184.136.530	-
{i} Ông Nguyễn Duy Xuyên	3.113.960.981	-	3.113.960.981	-
{ii} Ông/Bà Nguyễn Duy Xuyên - Thân Thị Nhậm	15.070.175.549	-	15.070.175.549	-
Phải thu khác	28.151.021.795	(293.023.062)	28.849.366.137	(243.533.062)
{2} Cục Hải quan thành phố Hải Phòng	6.115.416.932	-	6.115.416.932	-
Phải thu khác tại TechNo	1.932.561.018	(243.533.062)	1.854.056.468	(243.533.062)
Phải thu khác	20.103.043.845	(49.490.000)	20.879.892.737	-
b) Dài hạn	4.836.294.987	-	3.320.741.056	-
Tiền GPMB chờ bù trừ tiền thuê đất hàng năm	172.205.492	-	340.638.855	-
Ký cược, ký quỹ	4.553.182.000	-	2.892.702.201	-
Phải thu khác	110.907.495	-	87.400.000	-
Tổng	89.856.366.036	(429.409.772)	81.497.324.384	(379.919.772)

(*) Chi tiết tại Thuyết minh số 5.20.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)

(**) Tiền tạm ứng là khoản tiền Tổng Công ty ứng cho cán bộ phụ trách để thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh đã được Tổng Công ty giao theo quy chế quản lý tài chính của Tổng Công ty.

{1} Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung

Đây là khoản công nợ có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên - nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị trực thuộc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đã được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số (1) - Mục 5.3. "Phải thu của khách hàng". Theo đó:

- {i} Khoản phải thu của ông Nguyễn Duy Xuyên sau khi đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán;
- {ii} Khoản phải thu liên quan ông Nguyễn Duy Xuyên và bà Thân Thị Nhậm sau khi đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung thực hiện điều chỉnh số liệu kế toán. Theo đó, một số hậu quả mà hai đối tượng này gây ra theo Bản án phúc thẩm số 536/2022/HS-PT ngày 11/8/2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội nhưng không tách biệt riêng rẽ theo từng đối tượng nên đã được Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung xử lý chung vào đối tượng "Ông/Bà Nguyễn Duy Xuyên - Thân Thị Nhậm".

{2} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật

Cuối năm 2004, đầu năm 2005, Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật nhập khẩu lô hàng ô tô của 23 hợp đồng và đã thực hiện nộp thuế nhập khẩu đầy đủ theo quy định (Công văn số 242/HQHP-PNV ngày 29/4/2010 của Cục Hải quan Hải Phòng). Tuy nhiên, Tổng Cục Hải Quan cho rằng, Công ty khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định và yêu cầu truy thu thuế. Sau đó, hồ sơ đã được gửi sang Cục cảnh sát điều tra tội phạm về quản lý kinh tế và chức vụ (Công văn số 87/TCHQ-ĐT ngày 08/02/2007 của Tổng Cục) - Hồ sơ này đã được Bộ Công an có ý kiến gửi Thủ tướng Chính phủ; Văn phòng Chính phủ đã có công văn số 343/VPCP-KTTH ngày 17/01/2011 thông báo kết luận của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Tấn Dũng: Tổng cục Hải quan căn cứ quy định của Pháp luật về thuế và Pháp luật về hải quan để truy thu thuế với số xe ô tô nhập khẩu năm 2004 - 2005 của doanh nghiệp khai báo giá trị tính thuế không đúng quy định nhưng chưa nộp đủ số tiền vào ngân sách Nhà nước.

Ngày 24/11/2014, Bộ Công thương đã có Văn bản số 11767/BCT-TC trình Thủ tướng Chính phủ đề nghị Tổng Cục Hải Quan giải tỏa cưỡng chế thuế đối với Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật và trả lại tiền đã thu cưỡng chế thuế, cho phép xóa khoản phải truy thu thuế 6.115.416.932 VND của Chi nhánh Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật.

Ngày 12/6/2015, Bộ Tài chính đã có Văn bản số 7818/BTC-TCDN về việc xử lý tồn tại khi cổ phần hóa Tổng Công ty Máy và Thiết bị Công nghiệp, công văn có nêu "Khoản truy thu thuế của Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật sẽ được xử lý sau khi có ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ".

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.5 Phải thu khác (Tiếp theo)**{2} Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật (Tiếp theo)**

Thông tin bổ sung về việc thoái vốn tại Techno Import: ngày 26/3/2018, Tổng Công ty đã có Công văn số 276/CV-MIE-DDV trình Bộ Công thương về việc báo cáo và đề xuất thực hiện tái cơ cấu Techno Import. Ngày 22/6/2018, Bộ Công thương đã có Công văn số 4961/BCT- CN về việc tái cơ cấu Techno Import đồng ý chủ trương thoái vốn đầu tư của Tổng Công ty tại Techno Import. Ngày 29/8/2018, Bộ Công thương có Công văn số 6935/BCT-CN về phương án thoái vốn của MIE tại Techno Import. Ngày 29/11/2018, Bộ Tài chính đã có Công văn số 14893/BTC-TCDN về việc hướng dẫn thực hiện thoái vốn MIE đầu tư tại Techno Import. Ngày 19/4/2019, Tổng Công ty có văn bản số 321/CV-MIE-DDV trình Bộ Công thương xem xét, chấp thuận phương án chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Technoimport. Theo đó, Tổng Công ty xin đề nghị vận dụng Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014 của Chính phủ về bán, giao và chuyển giao doanh nghiệp 100% vốn nhà nước để thực hiện quy trình, thủ tục chuyển nhượng tài sản vốn góp của Tổng Công ty tại Techno Import thông qua phương thức bán đấu giá doanh nghiệp có kế thừa công nợ. Ngày 08/7/2019, Bộ Công thương đã có văn bản số 4857/BCT-CN nêu rõ Tổng Công ty không thuộc đối tượng và điều kiện áp dụng của Nghị định số 128/2014/NĐ-CP ngày 31/12/2014.

Do những tồn tại, yếu kém về tài chính và hoạt động kinh doanh, ngày 20/10/2025, Hội đồng quản trị Tổng công ty đã ban hành Nghị quyết số 40/NQ-MIE-HĐQT thống nhất thông qua Phương án phá sản Công ty Techno Import. Ngày 17/11/2025, bộ phận đại diện phần vốn nhà nước tại Tổng công ty đã có Công văn số 867/CV-MIE-DDV báo cáo và xin chủ trương của Bộ Công Thương. Tuy nhiên, ngày 29/12/2025, Bộ Công Thương đã chuyển giao quyền đại diện chủ sở hữu vốn Nhà nước tại Tổng công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP về Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (SCIC).

Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Phương án phá sản Techno Import chưa được cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Nợ xấu

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Ngắn hạn						
Phải thu của khách hàng	173.849.057.297	87.571.093.981	(86.277.963.316)	192.981.051.105	103.959.761.354	(89.021.289.751)
Công ty Cổ phần Tập đoàn Bất động sản Hoàng Gia	39.836.297.736	32.736.297.736	(7.100.000.000)	39.836.297.736	32.736.297.736	(7.100.000.000)
Ban điều hành Dự án nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2	9.126.210.308	4.563.105.154	(4.563.105.154)	9.126.210.308	4.563.105.154	(4.563.105.154)
Công ty Cổ phần đầu tư phát triển Bạch Đằng Trường Giang	7.947.353.621	5.081.257.994	(2.866.095.627)	17.327.353.621	12.129.147.535	(5.198.206.086)
Công ty TNHH 289	41.381.769.610	11.989.542.548	(29.392.227.062)	45.381.769.610	15.989.542.548	(29.392.227.062)
Công ty Cổ phần Nam Vang	45.106.854.941	29.982.077.784	(15.124.777.157)	45.706.854.941	30.582.077.784	(15.124.777.157)
Công ty TNHH MTV Xây dựng và Lắp đặt thủy điện ECC	12.595.062.549	1.655.445.517	(10.939.617.032)	14.457.505.345	3.517.888.313	(10.939.617.032)
Các đối tượng khác	17.855.508.532	1.563.367.248	(16.292.141.284)	21.145.059.544	4.441.702.284	(16.703.357.260)
Trả trước cho người bán ngắn hạn	4.122.239.997	3.377.361.585	(744.878.412)	77.000.000	-	(77.000.000)
Công ty Cổ phần Tư vấn Thiết kế và Dịch vụ Đầu tư	77.000.000	-	(77.000.000)	77.000.000	-	(77.000.000)
Công ty TNHH Cà Phê Hoàng Thiên	4.045.239.997	3.377.361.585	(667.878.412)	-	-	-
Tạm ứng và Phải thu nội bộ	773.886.710	-	(773.886.710)	773.886.710	-	(773.886.710)
Lê Quang Hải (TK141)	136.386.710	-	(136.386.710)	136.386.710	-	(136.386.710)
Công ty CP kinh doanh thiết bị Công nghiệp (TK136)	637.500.000	-	(637.500.000)	637.500.000	-	(637.500.000)

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP
Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN
Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC
Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.6 Nợ xấu (Tiếp theo)

	30/6/2026			01/01/2026		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Phải thu khác	293.023.062	-	(293.023.062)	243.533.062	-	(243.533.062)
Công ty CP cà phê HASA	49.490.000		(49.490.000)	-		-
Công ty Cung ứng Thiết bị điện	16.503.327	-	(16.503.327)	16.503.327	-	(16.503.327)
Công ty Hoài Nam	119.559.455	-	(119.559.455)	119.559.455	-	(119.559.455)
Công ty Mía đường Đắc Lắc	107.470.280	-	(107.470.280)	107.470.280	-	(107.470.280)
Tổng	179.038.207.066	90.948.455.566	(88.089.751.500)	194.075.470.877	103.959.761.354	(90.115.709.523)



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.7 Hàng tồn kho

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	73.179.513.262	-	123.121.319.114	-
Công cụ, dụng cụ	21.031.727.404	-	21.396.368.264	-
Chi phí SXKD dở dang	735.175.164.399	-	583.748.166.203	-
Sản phẩm	63.237.467.481	-	91.858.426.434	-
Hàng hoá	14.645.036.193	-	7.181.420.760	-
Hàng gửi đi bán	81.333.217	-	62.911.907	-
Tổng	907.350.241.956	-	827.368.612.682	-

5.8 Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	5.071.868.556	5.258.617.751
Chi phí chờ phân bổ	5.071.868.556	5.258.617.751
b) Dài hạn	120.507.086.868	114.040.005.977
{i} Tiền thuê đất trả trước	63.308.237.200	64.115.410.200
Tiền đền bù GPMB	1.882.533.872	1.941.363.056
Công cụ, dụng cụ và chi phí chờ phân bổ dài hạn khác	55.316.315.796	47.983.232.721
Tổng	125.578.955.424	119.298.623.728

{i} Đơn vị thành viên của Tổng Công ty sử dụng Quyền sử dụng đất để làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay tại đơn vị: 39.027.376.957 VND.

Chi tiết tại Thuyết minh số 5.21.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2026	608.043.826.393	295.645.413.295	46.452.467.523	2.175.711.479	3.693.391.364	956.010.810.054
Tăng trong kỳ	4.872.504.984	3.565.471.211	-	-	-	8.437.976.195
Mua trong kỳ	-	807.335.600	-	-	-	807.335.600
XDCB hoàn thành	4.872.504.984	500.642.586	-	-	-	5.373.147.570
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	2.257.493.025	-	-	-	2.257.493.025
Giảm trong kỳ	-	(96.739.500)	(630.686.697)	-	-	(727.426.197)
Thanh lý, nhượng bán	-	(96.739.500)	(630.686.697)	-	-	(727.426.197)
Số dư tại ngày 30/6/2026	612.916.331.377	299.114.145.006	45.821.780.826	2.175.711.479	3.693.391.364	963.721.360.052
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2026	213.123.565.826	228.532.406.100	36.798.311.485	2.005.585.051	781.584.379	481.241.452.841
Tăng trong kỳ	8.334.235.293	6.950.378.999	1.207.615.324	26.374.368	63.406.704	16.582.010.688
Khấu hao trong kỳ	8.334.235.293	6.560.795.606	1.207.615.324	26.374.368	63.406.704	16.192.427.295
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính	-	389.583.393	-	-	-	389.583.393
Giảm trong kỳ	-	(96.739.500)	(630.686.697)	-	-	(727.426.197)
Thanh lý, nhượng bán	-	(96.739.500)	(630.686.697)	-	-	(727.426.197)
Số dư tại ngày 30/6/2026	221.457.801.119	235.386.045.599	37.375.240.112	2.031.959.419	844.991.083	497.096.037.332
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2026	394.920.260.567	67.113.007.195	9.654.156.038	170.126.428	2.911.806.985	474.769.357.213
Tại ngày 30/6/2026	391.458.530.258	63.728.099.407	8.446.540.714	143.752.060	2.848.400.281	466.625.322.720

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.9 Tăng, giảm Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tại ngày 30/6/2026, Nguyên giá các TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 166.190.653.017 VND (tại ngày 31/12/2025 là: 84.562.019.161 VND).

Tại ngày 30/6/2026, Tổng Công ty đã sử dụng tài sản trên đất là trụ sở Tổng Công ty tại 7A Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, TP. Hà Nội làm tài sản thế chấp cho Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2025/31009/HĐTD ngày 31/12/2025 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/6/2026 là: 20.324.158.088 VND và tại ngày 31/12/2025 là: 21.105.856.478 VND.

Tại ngày 30/6/2026, Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội đã sử dụng tài là xe ô tô Toyota màu đen; biển kiểm soát 30B-000.27 làm tài sản thế chấp cho Hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 329/2025/HĐTD/HDG ngày 21/8/2025 tại Ngân hàng TMCP Tiên Phong. Giá trị còn lại của tài sản này tại ngày 30/6/2026 là: 785.376.750 VND và tại ngày 31/12/2025 là: 828.215.481 VND.

Chi tiết tại Thuyết minh số 5.21.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.10 Tăng, giảm Tài sản cố định thuê tài chính

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Tổng
NGUYÊN GIÁ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	119.746.323.925	119.746.323.925
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	(2.238.472.225)	(2.238.472.225)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(2.238.472.225)	(2.238.472.225)
Số dư tại ngày 30/6/2026	117.507.851.700	117.507.851.700
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUỸ KẾ		
Số dư tại ngày 01/01/2026	9.160.164.096	9.160.164.096
Tăng trong kỳ	4.978.793.601	4.978.793.601
Khấu hao trong kỳ	4.978.793.601	4.978.793.601
Giảm trong kỳ	(389.583.393)	(389.583.393)
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(389.583.393)	(389.583.393)
Số dư tại ngày 30/6/2026	13.749.374.304	13.749.374.304
GIÁ TRỊ CÒN LẠI		
Tại ngày 01/01/2026	110.586.159.829	110.586.159.829
Tại ngày 30/6/2026	103.758.477.396	103.758.477.396

Danh mục các TSCĐ thuê tài chính đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng tài sản thuê tài chính trở lên:

Đơn vị tính: VND

Tên tài sản	30/6/2026			01/01/2026		
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
Máy móc thiết bị						
Máy trung tâm gia công ngang CNC 4 trục đồng thời (JMH-1000A)	14.055.301.700	1.768.247.633	12.287.054.067	14.055.301.700	1.299.737.576	12.755.564.124
Máy trung tâm gia gia công ngang Mazak HCN -8800	13.753.000.000	2.098.782.879	11.654.217.121	13.753.000.000	1.305.340.572	12.447.659.428
Máy doa ngang NC SKODA, Model W250HA	19.865.000.000	1.772.897.850	18.092.102.150	19.865.000.000	779.647.850	19.085.352.150

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.11 Tăng, giảm Tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Tổng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	37.105.161.480	4.628.531.476	41.733.692.956
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/6/2026	37.105.161.480	4.628.531.476	41.733.692.956
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2026	8.948.735.117	2.261.837.083	11.210.572.200
Khấu hao trong kỳ	416.405.054	223.863.120	640.268.174
Số dư tại ngày 30/6/2026	9.365.140.171	2.485.700.203	11.850.840.374
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2026	28.156.426.363	2.366.694.393	30.523.120.756
Tại ngày 30/6/2026	27.740.021.309	2.142.831.273	29.882.852.582

Nguyên giá các Tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026 là 639.891.526 VND (tại ngày 31/12/2025 là 639.891.526 VND).

Danh mục các TSCĐ vô hình đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng tài sản cố định vô hình trở lên:

Đơn vị tính: VND

Tên tài sản	30/6/2026			01/01/2026		
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất						
Quyền sử dụng đất (21.000m ²)	34.965.000.000	8.623.804.218	26.341.195.782	34.965.000.000	8.217.513.282	26.747.486.718

5.12 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư

Đơn vị tính: VND

Khoản mục	01/01/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	30/6/2026
Bất động sản đầu tư cho thuê				
NGUYÊN GIÁ	33.755.261.371	-	-	33.755.261.371
Nhà và cơ sở hạ tầng	33.755.261.371	-	-	33.755.261.371
GIÁ TRỊ HAO MÒN LUYỆN KẾ	9.043.880.955	451.321.716	-	9.495.202.671
Nhà và cơ sở hạ tầng	9.043.880.955	451.321.716	-	9.495.202.671
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	24.711.380.416	-	451.321.716	24.260.058.700
Nhà và cơ sở hạ tầng	24.711.380.416	-	451.321.716	24.260.058.700

Bất động sản đầu tư cho thuê tại tầng 4, Tòa nhà SME Hoàng Gia, số 12 Tô Hiệu, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội và nhà xưởng có địa chỉ tại số 133, phường Hồng An, thành phố Hải Phòng được Tổng Công ty sử dụng để cho thuê hoạt động.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.12 Tăng, giảm Bất động sản đầu tư (Tiếp theo)

Theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 05 - Bất động sản đầu tư, giá trị hợp lý của Bất động sản đầu tư tại ngày 30/6/2026 cần được trình bày. Tuy nhiên, Tổng Công ty không có đủ thông tin để xác định được giá trị hợp lý của các tài sản này tại ngày lập Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Danh mục các Bất động sản đầu tư đang hiện hữu trong kỳ có tỷ lệ giá trị từ 10% tổng Bất động sản đầu tư trở lên:

Đơn vị tính: VND

Tên tài sản	30/6/2026			01/01/2026		
	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại	Nguyên giá	Giá trị HMLK	Giá trị còn lại
Nhà cửa, vật kiến trúc						
Mặt bằng sàn tầng 4 -						
Tòa nhà SME Hoàng Gia	24.131.015.298	5.188.586.587	18.942.428.711	24.131.015.298	4.835.433.745	19.295.581.553

5.13 Tài sản dở dang dài hạn

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026		01/01/2026	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Xây dựng cơ bản dở dang				
Dự án Di chuyển và xây				
{i} dựng nhà máy của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội	44.663.148.097	44.663.148.097	44.663.148.097	44.663.148.097
Chi phí khác	3.673.342.806	3.673.342.806	4.002.309.679	4.002.309.679
Tổng	48.336.490.903	48.336.490.903	48.665.457.776	48.665.457.776

{i} Khoản này thuộc dự án di dời nhà máy của Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội. Dự án đã hoàn thành, đưa vào hoạt động từ lâu, nhưng Công ty chưa quyết toán được dự án.

5.14 Phải trả người bán

30/6/2026

01/01/2026

	VND	VND
Ngắn hạn	256.023.522.102	240.605.863.651
Công ty Cổ phần IMEC Toàn Cầu	37.683.842.710	10.987.852.779
Công ty TNHH Đầu Tư SX và TM Thép Hà Nội	52.426.979.412	21.678.225.397
Công ty Cổ phần Ống thép Sài Gòn	45.000.000.000	45.000.000.000
(*) Phải trả tại Xí nghiệp Kinh doanh XNK Tổng hợp	10.527.414.264	10.527.414.264
Các đối tượng khác	110.385.285.716	152.412.371.211
Tổng	256.023.522.102	240.605.863.651

(*) Khoản nợ phải trả này có liên quan đến ông Nguyễn Duy Xuyên trong giai đoạn Ông Nguyễn Duy Xuyên làm Giám đốc điều hành của Xí nghiệp kinh doanh XNK Tổng hợp - Đơn vị trực thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Theo đó, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung sẽ tiếp tục xác minh khoản nợ phải trả này để từ đó xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về ông Nguyễn Duy Xuyên hoặc Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.15 Người mua trả tiền trước

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Ngắn hạn	88.114.914.030	67.393.513.711
Công ty TNHH Xuân Thiện Hà Giang	14.151.005.945	20.332.620.000
Tổng Công ty xây dựng Bạch Đằng - CTCP	17.476.710.537	10.554.868.000
Công ty CP Sàn giao dịch Bất động sản thành phố Hoàng Gia	7.900.000.000	7.900.000.000
Công ty Cổ phần Vinausteel	16.233.207.347	7.351.739.867
Đối tượng khác	32.353.990.201	21.254.285.844
Tổng	88.114.914.030	67.393.513.711

5.16 Thuế và các khoản phải nộp, phải thu Nhà nước

Đơn vị tính: VND

	01/01/2026	Số phải nộp	Số đã nộp	30/6/2026
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	14.237.304.483	1.307.829.307	2.079.669.387	13.465.464.403
Thuế tiêu thụ đặc biệt	2.684.381.427	-	-	2.684.381.427
Thuế xuất, nhập khẩu	2.209.306.104	97.437.665	97.437.665	2.209.306.104
Thuế TNDN	3.196.720.056	4.878.452.543	2.227.410.290	5.847.762.309
Thuế thu nhập cá nhân	278.287.030	546.027.107	577.425.605	246.888.532
Tiền thuê đất	21.715.220.452	3.856.149.857	2.175.864.270	23.395.506.039
Phải nộp khác	16.199.433.526	362.104.585	11.402.432	16.550.135.679
Tổng	60.520.653.078	11.048.001.064	7.169.209.649	64.399.444.493
Phải thu				
Thuế giá trị gia tăng	300.827.980	-	-	300.827.980
Thuế xuất, nhập khẩu	439.925	-	-	439.925
Thuế TNDN	-	-	31.481.033	31.481.033
Thuế thu nhập cá nhân	32.514.614	135.889.191	124.043.192	20.668.615
Tiền thuê đất	47.990.100	403.813.499	368.633.732	12.810.333
Phải thu khác	93.416.121	20.000	20.000	93.416.121
Tổng	475.188.740	539.722.690	524.177.957	459.644.007

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.17 Chi phí phải trả

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	27.777.011.004	25.991.866.762
Lãi vay phải trả	6.504.236.875	6.448.140.984
Chi phí thuê Văn phòng, nhà xưởng	17.371.791.462	17.371.791.462
Chi phí xây dựng các công trình	1.435.272.621	1.435.272.621
Chi phí phải trả khác	2.465.710.046	736.661.695
Dài hạn	-	1.794.693.736
Chi phí phải trả về dự án di dời nhà máy	-	1.794.693.736
Tổng	27.777.011.004	27.786.560.498

5.18 Phải trả khác

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn	75.817.988.751	75.750.478.355
Thu của cán bộ, công nhân viên góp vốn vào Công ty Cổ phần Xi măng Đồng Bành	11.585.000.000	11.585.000.000
Kinh phí công đoàn	664.657.788	637.153.471
Bảo hiểm xã hội	2.295.393.151	1.339.008.621
Bảo hiểm y tế	99.995.504	184.050.720
Bảo hiểm thất nghiệp	44.079.012	81.231.904
Phải trả về CPH	4.257.988.040	4.257.988.040
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.376.293.758	1.397.284.958
Nhận lại tiền đặt cọc góp vốn {i}	4.450.000.000	4.450.000.000
3.500m2 sàn nhà văn phòng Dự án Tincom City {ii}	38.500.000.000	38.500.000.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	12.544.581.498	13.318.760.641
Dài hạn	3.144.462.854	3.065.601.507
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	3.144.462.854	3.065.601.507
Tổng	78.962.451.605	78.816.079.862

{i} Nhận lại tiền đặt cọc góp vốn xây dựng Toà nhà tại khu trụ sở các Tổng Công ty - Khu đô thị mới Cầu Giấy - Hà Nội. Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội chấm dứt giao chủ đầu tư nghiên cứu lập dự án đầu tư tại 11 ô đất theo Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/11/2008 của UBND thành phố Hà Nội.

Chi tiết tại Thuyết minh 7.1.a "Thông tin tài chính khác."

{ii} Đây là 3.500 m2 sàn nhà văn phòng mà Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) nhận bàn giao Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 68/HĐ-KD ngày 10/5/2010 và Phụ lục hợp đồng số 02 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thăng Long.

Chi tiết tại Thuyết minh 7.1.b "Thông tin tài chính khác."

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vay và nợ thuê tài chính

	30/6/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Đơn vị tính: VND 01/01/2026
a) Vay ngắn hạn	563.443.077.846	386.446.721.488	353.264.618.651	530.260.975.009
Vay ngân hàng (VND)	545.906.055.968	382.456.719.488	351.974.616.651	515.423.953.131
{1} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	380.678.596.921	299.593.374.692	314.536.175.737	395.621.397.966
{2} Ngân hàng TMCP Đông Nam Á - Chi nhánh Đồng Đa	163.422.084.788	75.310.533.887	31.691.004.264	119.802.555.165
Ngân hàng TMCP Tiên Phong- Chi nhánh Hoàn Kiếm	1.805.374.259	7.552.810.909	5.747.436.650	-
Vay ngân hàng (USD)	9.198.977.672	-	-	9.198.977.672
{3} Ngân hàng TMCP Phát triển TP Hồ Chí Minh - CN Thăng Long	9.198.977.672	-	-	9.198.977.672
Vay Cá nhân	2.968.960.111	3.990.002.000	1.290.002.000	268.960.111
Bà Trần Thị Thuộc (*)	77.820.037	-	-	77.820.037
Các cá nhân khác	2.891.140.074	3.990.002.000	1.290.002.000	191.140.074
Tổ chức khác (*)	1.369.084.095	-	-	1.369.084.095
Công đoàn Công ty	119.084.095	-	-	119.084.095
Công ty CP sản xuất thép Mitsu Vina	1.250.000.000	-	-	1.250.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000
{4} Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO	4.000.000.000	-	-	4.000.000.000

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

	30/6/2026	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	01/01/2026
b) Vay dài hạn	60.391.120.599	-	7.565.575.538	67.956.696.137
Vay ngân hàng	573.750.000	-	68.850.000	642.600.000
{1} Ngân hàng TMCP Tiên Phong - Chi nhánh Tây Hà Nội	573.750.000	-	68.850.000	642.600.000
Nợ thuê tài chính	59.817.370.599	-	7.496.725.538	67.314.096.137
Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV quốc tế Chailease - Chi nhánh Hà Nội	-	-	80.978.400	80.978.400
{5} Công ty TNHH MTV Cho thuê tài chính Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	7.230.589.599	-	1.331.962.138	8.562.551.737
{6} Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	52.586.781.000	-	6.083.785.000	58.670.566.000
Tổng	623.834.198.445	386.446.721.488	360.830.194.189	598.217.671.146

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

{1} Gồm hai khoản vay:

a) Khoản vay ngắn hạn

Khoản vay theo Hợp đồng cấp tín dụng hạn mức số 436/2025/HDTD/HDG ký ngày 17/10/2025

Hạn mức cho vay: 460.000.000.000 VND;

Hạn mức L/C: 90.000.000.000 VND, hạn mức bảo lãnh: 330.000.000.000 VND;

Lãi suất vay: Được quy định cụ thể tại từng văn bản nhận nợ;

Mục đích vay:

Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất gia công cơ khí và thương mại thép, thương mại linh kiện và thiết bị cơ khí, thương mại thiết bị, vật tư và máy móc dùng cho y tế;

Thời hạn sử dụng HMTD: 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng cấp tín dụng;

Ký quỹ: Theo quy định về ký quỹ tại Hợp đồng này hoặc các thỏa thuận khác giữa TP bank và Khách hàng (nếu có);

Các biện pháp bảo đảm khác: Chi tiết về việc bảo đảm các nghĩa vụ của Khách hàng theo HMTD được quy định cụ thể tại (i) Hợp đồng đảm bảo số 167/2024/HDBD/HDG ký ngày 06/5/2024; số 348/2021/HDG/01 ký ngày 05/7/2021; số 185/2024/HDBD ký ngày 15/5/2024; số 206/2025/HDBD/HDG ký ngày 23/7/2025; số 511/2021/HDBD/HDG/01 ký ngày 25/10/2021; số 425/2025/HDBD/HDG ký ngày 10/01/2026 giữa TPBank và Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội; (ii) Các Hợp đồng bảo đảm ký kết trước, trong và sau ngày hiệu lực của Hợp đồng này; (iii) Và các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế của các Hợp đồng bảo đảm này.

b) Khoản vay dài hạn

Khoản vay theo hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 329/2025/HDTD/HDG ngày 21/8/2025

Số tiền vay: 688.500.000 VND;

Lãi suất được quy định tại từng văn bản ghi nhận nợ của khách hàng;

Mục đích vay: Vay vốn mua xe ô tô theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 01251135 ngày 13/8/2025 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội và Công ty TNHH MTV Toyota Mỹ Đình;

Thời hạn vay: 60 tháng;

Tài sản đảm bảo:

Xe Toyota màu đen; MHFBAA0S0611903; ND92963M20A; Biển kiểm soát 30B-000.27;

Các giấy tờ chứng minh quyền sở hữu, sử dụng Tài sản bảo đảm: Hợp đồng mua bán xe ô tô số 01251135 ngày 13/8/2025 giữa công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội và Công ty TNHH MTV Toyota Mỹ Đình.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

{2} Khoản vay theo hợp đồng cấp hạn mức tín dụng số REF2609678873/HĐCHMTD ngày 07/4/2026

Hạn mức cấp tín dụng: 180.000.000.000 VND;

Hạn mức cho vay và bảo lãnh thanh toán + L/C nội địa: 180.000.000.000 VND;

Hạn mức cấp bảo lãnh: 40.000.000.000 VND;

Hạn mức phát hành thư tín dụng: 180.000.000.000 VND;

Lãi suất vay: Lãi suất vay được quy định cụ thể trong Phụ lục của từng hình thức cấp tín dụng cụ thể và các văn bản thỏa thuận có liên quan kèm theo;

Mục đích sử dụng HMCTD: Bổ sung vốn lưu động, phát hành LC nội địa và bảo lãnh phục vụ cho hoạt động sản xuất các sản phẩm cơ khí, cấu kiện kim loại và máy móc thiết bị của Khách hàng; Phát hành các loại bảo lãnh theo quy định hiện hành của Seabank (không bao gồm bảo lãnh thanh toán và bảo lãnh vay vốn);

Thời hạn duy trì HMCTD: 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng;

Tài sản đảm bảo:

- Thế chấp tài sản bảo đảm nhóm 0 theo quy định của Seabank (Hợp đồng tiền gửi/Sổ tiết kiệm (mở online/tại quầy)/Giấy tờ có giá do Seabank phát hành; Tiền đồng Việt Nam/ngoại tệ trên khoản thanh toán/ký quỹ tại Seabank hoặc được SeABank chấp nhận);
- Thế chấp quyền đòi nợ bổ sung từ các nhà nhập khẩu sau (phương thức thanh toán L/C, T/T): Hasegawa Foundry CO.,LTD; Voith Hydro Private Limited; Kusano Co., LTD;
- Thế chấp quyền đòi nợ theo quy định tài trợ theo Hợp đồng cung ứng với Khách hàng Doanh nghiệp;
- Thế chấp bất động sản của Khách hàng theo Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất số REF2507980836/HDTC/BDS/273795/4, số công chứng: 2844, quyền số 01/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 07/5/2025 và Hợp đồng thế chấp tài sản số REF2507980836/HDTC/QTS/273795/3 ngày 26/3/2025;
- Thế chấp Quyền đòi nợ hình thành trong tương lai và quyền đòi nợ đã hình thành đối với mảng cung ứng cho các đối tác trong nước đáp ứng theo quy định của SeABank;
- Các biện pháp đảm bảo, tài sản đảm bảo khác thực hiện theo thỏa thuận giữa Seabank với Khách hàng và /hoặc Bên thứ ba (nếu có) theo các Hợp đồng bảo đảm ký trước, trong và sau ngày phát sinh hiệu lực của hợp đồng này và các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế các Hợp đồng bảo đảm nêu trên (nếu có).

{3} Hợp đồng tín dụng số 77/10/TL/HN ngày 02/8/2010, cụ thể:

Gốc vay còn nợ tại thời điểm 31/12/2022: 428.507 USD;

Khoản vay này không được ngân hàng thông báo tính lãi từ năm 2014 đến nay.

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

{4} Khoản vay Tổng Công ty Bia rượu và NGK Sài Gòn (nay là Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn) - SABECO, lãi suất là 6,6 %/năm, thời hạn vay 05 năm.

{5} Bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 109.22.06/CTTC ngày 23/9/2022 và Hợp đồng sửa đổi, bổ sung ngày 28/02/2023;

Hợp đồng cho thuê tài chính số 196.23.05/CTTC ngày 24/5/2023.

{6} Bao gồm các hợp đồng sau:

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.001/2025/TSC-CTTC ngày 14/02/2025;

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.102/2024/TSC-CTTC ngày 6/12/2024;

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.016/2025/TSC-CTTC ngày 10/3/2025;

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.013/2025/TSC-CTTC ngày 26/02/2025;

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.017/2025/TSC-CTTC ngày 03/3/2025;

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.015/2025/TSC-CTTC ngày 10/3/2025;

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01.129/TSC-CTTC ngày 05/11/2025;

Hợp đồng cho thuê tài chính số 01/064/2025/TSC-CTTC ngày 07/7/2025.

Chi tiết thuyết minh các khoản vay và nợ thuê tài chính theo từng đơn vị

Công ty mẹ gồm thuyết minh {4}

Công ty TNHH MTV Cơ khí Hà Nội gồm các thuyết minh {1}; {2}; {5}; {6}

Công ty TNHH MTV XNK Thiết bị Toàn bộ và Kỹ thuật gồm thuyết minh {3}

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.19 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

- (*) Các khoản vay ngắn hạn (là các khoản vay tại Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung) không đánh giá được khả năng trả nợ do có liên quan đến vụ án hình sự đang được điều tra đối với Ông Nguyễn Duy Xuyên - Nguyên Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp Kinh doanh Xuất nhập khẩu Tổng hợp - đơn vị phụ thuộc của Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung. Theo đó, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung sẽ tiếp tục xác minh khoản vay này để từ đó xác định nghĩa vụ trả nợ thuộc về ông Nguyễn Duy Xuyên hoặc Công ty. Cụ thể các khoản vay như sau:

Đơn vị tính: VND

	30/6/2026	Trong kỳ		01/01/2026
	Số có khả năng Giá trị trả nợ	Tăng	Giảm	Số có khả năng Giá trị trả nợ
Vay ngắn hạn	1.446.904.132	-	-	1.446.904.132
Vay Cá nhân	77.820.037	-	-	77.820.037
Bà Trần Thị Thuộc	77.820.037	-	-	77.820.037
Tổ chức khác	1.369.084.095	-	-	1.369.084.095
Công đoàn Công ty	119.084.095	-	-	119.084.095
Công ty CP sản xuất thép Mitsu Vina	1.250.000.000	-	-	1.250.000.000
Tổng	1.446.904.132	-	-	1.446.904.132

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy, thành phố Hà Nội

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của Cổ đông không kiểm soát	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2025	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	32.227.046.285	(38.128.057.824)	34.516.216.270	1.446.047.312.769
Tăng vốn trong năm trước	-	-	1.965.699.096	-	-	1.965.699.096
Lãi trong năm trước	-	-	-	14.786.124.935	3.578.289.836	18.364.414.771
Trích Quỹ KTPL và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	(10.927.737.292)	(17.423.491)	(10.945.160.783)
Giảm khác trong năm trước	-	-	-	(212.822.140)	-	(212.822.140)
Số dư tại ngày 01/01/2026	1.418.634.488.001	(1.202.379.963)	34.192.745.381	(34.482.492.321)	38.077.082.615	1.455.219.443.713
{i} Tăng vốn trong kỳ này	1.280.511.999	-	-	-	-	1.280.511.999
Lãi trong kỳ này	-	-	-	2.391.638.073	1.540.075.571	3.931.713.644
{ii} Trích Quỹ KTPL và Quỹ thưởng ban quản lý điều hành	-	-	-	(5.417.201.060)	(345.001.976)	(5.762.203.036)
Giảm khác trong kỳ	-	-	-	(58.624.264)	-	(58.624.264)
Số dư tại ngày 30/6/2026	1.419.915.000.000	(1.202.379.963)	34.192.745.381	(37.566.679.572)	39.272.156.210	1.454.610.842.056

{i} Căn cứ theo Nghị quyết 485/NQ-ĐHĐCĐTN2026 ngày 26/6/2026 của Đại hội đồng cổ đông, Tổng Công ty đã thực hiện điều chỉnh tăng Vốn góp của Chủ sở hữu (Mã số 411) thêm 1.280.511.999 VND để đảm bảo Vốn góp của chủ sở hữu (Mã số 411) trên Báo cáo Tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ không còn chênh lệch 1.280.511.999 VND so với Vốn Điều lệ trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần của Tổng Công ty. Chênh lệch này là do quá trình xử lý tài chính khi Tổng Công ty chính thức chuyển sang hoạt động dưới hình thức Công ty cổ phần theo quy định.

Tổng Công ty và các đơn vị thành viên vẫn đang chờ Bộ Công thương phê duyệt chính thức hồ sơ quyết toán cổ phần hóa. Việc xử lý dứt điểm khoản chênh lệch nêu trên sẽ phụ thuộc vào quyết định cuối cùng của Cơ quan đại diện chủ sở hữu.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

{ii} Tổng Công ty tạm phân phối Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2025 căn cứ theo Tờ trình số 404/TTr-MIE-HĐQT ngày 05/6/2026 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty.

Ngoài khoản trích quỹ nêu trên tại Công ty mẹ, còn bao gồm khoản trích quỹ tại các Công ty con, cụ thể:

- Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành: 1.136.177.149 VND;
- Công ty Cổ phần Cơ khí Duyên Hải trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 1.255.629.677 VND;
- Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Sản phẩm Cơ khí trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 63.497.786 VND;
- Công ty Cổ phần Dụng cụ số 1 trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi: 657.678.618 VND.

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Vốn của Nhà nước và các cổ đông khác	1.419.915.000.000	1.418.634.488.001
Tổng	1.419.915.000.000	1.418.634.488.001

c) Các giao dịch về vốn Chủ sở hữu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu kỳ	1.418.634.488.001	1.418.634.488.001
Vốn góp tăng trong kỳ	1.280.511.999	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	1.419.915.000.000	1.418.634.488.001

d) Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	141.991.500	141.991.500
Cổ phiếu phổ thông	141.991.500	141.991.500
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	141.991.500	141.991.500
Cổ phiếu phổ thông	141.991.500	141.991.500
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND/Cổ phiếu)	10.000	10.000

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCP

Số 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội

Mẫu số B 09a - DN/HN

Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC

Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.21 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ

Tổng Công ty dùng Tài sản để cầm cố, thế chấp tại ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

a) Tiền gửi có kỳ hạn

TT	Loại tài sản	Khoản mục	Giá trị	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích đảm bảo	Thời hạn
1	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Đầu tư tài chính	11.000.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cho hợp đồng hạn mức thấu chi số 01/2026/31009/HĐTD ngày 25/6/2026	Quy định trong hợp đồng cầm cố
2	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Đầu tư tài chính	10.000.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số 02/2025/31009/HĐTD ngày 31/12/2025	Quy định trong hợp đồng cầm cố
3	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Đầu tư tài chính	13.000.000.000	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cho Hợp đồng bảo lãnh theo món ngày 19/5/2026	Quy định trong hợp đồng cầm cố
4	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Đầu tư tài chính	4.872.052.075	Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam	Cho Hợp đồng bảo lãnh theo món	Quy định trong hợp đồng cầm cố
5	Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	Đầu tư tài chính	24.000.000.000	Ngân hàng TMCP Sài Gòn Tài Lộc	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số 202528335937 ngày 25/9/2025	Quy định trong hợp đồng cầm cố
6	Hợp đồng tiền gửi Trường An Lộc 3355668800W	Đầu tư tài chính	12.000.000.000	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số 436/2025/HĐTD/HDG ngày 17/10/2025	Đến ngày 17/10/2026
7	Hợp đồng tiền gửi số HDTG2026050400011	Đầu tư tài chính	2.800.000.000	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số REF2609678873/HĐCHMTD ngày 07/4/2026	Đến ngày 07/04/2027
8	Hợp đồng tiền gửi số HDTG2026052000008	Đầu tư tài chính	3.000.000.000	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số REF2609678873/HĐCHMTD ngày 07/4/2026	Đến ngày 07/04/2027

TỔNG CÔNG TY MÁY VÀ THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP - CTCPSố 7A phố Mạc Thị Bưởi, phường Vĩnh Tuy,
thành phố Hà Nội**Mẫu số B 09a - DN/HN**

Ban hành theo Thông tư 43/2026/TT-BTC

Ngày 20/4/2026 của Bộ Tài chính

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

5.21 Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ (Tiếp theo)**a) Tiền gửi có kỳ hạn (Tiếp theo)**

TT	Loại tài sản	Khoản mục	Giá trị	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích đảm bảo	Thời hạn
9	Hợp đồng tiền gửi số HDTG2026060900003	Đầu tư tài chính	3.000.000.000	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số REF2609678873/HĐCHMTD ngày 07/4/2026	Đến ngày 07/04/2027

b) Tài sản cố định

TT	Loại tài sản	Khoản mục	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích đảm bảo	Thời hạn
1	Trụ sở Tổng Công ty 7A Mạc Thị Bưởi	Tài sản cố định hữu hình	39.084.919.448	20.324.158.088	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Cho hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2025/31009/HĐTD ngày 31/12/2025	Quy định trong hợp đồng thế chấp
2	Xe Toyota màu đen; biển kiểm soát 30B-000.27	Tài sản cố định hữu hình	856.774.636	785.376.750	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Cho hợp đồng cho vay kiêm thế chấp ô tô số 329/2025/HĐTD/HDG ngày 21/8/2025	Quy định trong hợp đồng thế chấp

c) Quyền sử dụng đất

TT	Loại tài sản	Khoản mục	Giá trị còn lại	Đối tượng nhận thế chấp, cầm cố	Mục đích đảm bảo	Thời hạn
1	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và TS khác gắn liền với đất số CR 439773 ở Bắc Ninh.	Chi phí chờ phân bổ	39.027.376.957	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số REF2609678873/HĐCHMTD ngày 07/4/2026	Đến khi hoàn thành thủ tục xóa đăng ký thế chấp
2	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR439774 ở Bắc Ninh	Chi phí chờ phân bổ		Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Cho hợp đồng hạn mức tín dụng số 436/2025/HĐTD/HDG ngày 17/10/2025	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**6.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Doanh thu	752.123.935.613	683.716.661.517
Doanh thu bán hàng hóa, dịch vụ	144.924.122.769	61.197.160.787
Doanh thu bán sản phẩm	585.273.265.294	529.757.472.364
Doanh thu dự án (sản xuất công nghiệp)	21.926.547.550	92.762.028.366
Tổng	752.123.935.613	683.716.661.517

6.2 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giảm giá hàng bán	-	122.654.544
Hàng bán bị trả lại	270.160.000	78.840.000
Tổng	270.160.000	201.494.544

6.3 Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ	124.245.198.979	56.656.407.558
Giá vốn của thành phẩm đã bán	524.814.567.794	490.150.615.903
Giá vốn dự án (sản xuất công nghiệp)	14.790.705.136	52.016.479.293
Tổng	663.850.471.909	598.823.502.754

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.4 Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	6.145.560.720	4.751.354.137
Cổ tức lợi nhuận được chia	155.653.500	291.138.595
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	197.569.297	479.394.988
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	197.294.201	1.161.384.626
Doanh thu hoạt động tài chính khác	10.401.778	3.107
Tổng	6.706.479.496	6.683.275.453

6.5 Chi phí tài chính

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lãi tiền vay	27.115.131.564	20.293.162.963
Lỗ bán ngoại tệ	8.111.040	38.436.930
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	172.147.243	439.985.403
Chi phí tài chính khác	2.159.772.718	899
Tổng	29.455.162.565	20.771.586.195

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.6 Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí bán hàng	8.286.679.812	12.419.104.059
Chi phí nhân viên	4.569.408.082	2.979.749.283
Chi phí vật liệu quản lý	358.594.519	392.256.454
Chi phí khấu hao TSCĐ	-	32.144.166
Chi phí bảo hành / hoàn nhập chi phí bảo hành	(57.622.516)	4.709.450.656
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.190.139.555	3.786.776.540
Chi phí bằng tiền khác	226.160.172	518.726.960
Chi phí quản lý doanh nghiệp	47.602.221.551	57.934.460.256
Chi phí nhân viên quản lý	28.133.402.546	29.057.567.417
Chi phí vật liệu quản lý	281.176.826	237.217.086
Chi phí đồ dùng văn phòng	276.732.369	342.820.026
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.256.130.840	4.436.278.438
Thuế, phí và lệ phí	4.430.852.258	655.628.823
Trích lập dự phòng	(1.995.958.023)	4.360.969.565
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.350.797.397	6.005.783.409
Chi phí bằng tiền khác	8.869.087.338	12.838.195.492
Tổng	55.888.901.363	70.353.564.315

6.7 Thu nhập khác / Chi phí khác

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Thu nhập khác		
Thanh lý tài sản cố định, công cụ, dụng cụ	18.181.818	71.703.865.183
Tiền bồi thường, tiền phạt	13.258.560	142.310.000
Thu nhập khác	1.159.201.733	1.034.439.311
Tổng	1.190.642.111	72.880.614.494
Chi phí khác		
Tiền chậm nộp thuế, BHXH, xử phạt hành chính	1.105.430.531	1.082.438.067
Thanh lý tài sản cố định, công cụ, dụng cụ	-	63.723.727.190
Chi phí khác	786.479.984	1.138.434.785
Tổng	1.891.910.515	65.944.600.042
Lợi nhuận khác	(701.268.404)	6.936.014.452

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

6.8 Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	4.732.737.224	1.208.302.132
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.732.737.224	1.208.302.132

6.9 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 VND	Trình bày lại Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	2.391.638.073	5.656.240.604
(*) Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành	-	(1.324.609.904)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.391.638.073	4.331.630.701
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	141.991.500	141.991.500
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)	17	31

(*) Tại ngày Báo cáo, Tổng Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 có thể được phân bổ vào Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, Quỹ thưởng Ban quản lý điều hành. Nếu Tổng Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026, Lợi nhuận thuần thuộc về Cổ đông và Lãi cơ bản trên cổ phiếu sẽ giảm đi.

Tổng Công ty xác định lại số trích Quỹ Khen thưởng, phúc lợi, thưởng Ban quản lý điều hành cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 căn cứ theo tờ trình số 404/TTr-MIE-HĐQT ngày 05/6/2026 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty. Theo đó, lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 được trình bày lại như sau:

Đơn vị tính: VND

	Số đã trình bày trên Báo cáo kỳ trước (1)	Số trình bày lại (2)	Chênh lệch (3) = (2) - (1)
Lợi nhuận kế toán sau thuế Thu nhập doanh nghiệp của Công ty mẹ	5.656.240.604	5.656.240.604	-
Số trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, thưởng ban quản lý điều hành (= 1/2 số trích)	-	(1.324.609.904)	(1.324.609.904)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	5.656.240.604	4.331.630.701	(1.324.609.904)
Cổ phiếu phổ thông bình quân để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (Cổ phiếu)	141.991.500	141.991.500	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND / Cổ phiếu)	40	31	(9)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**7.1 Thông tin tài chính khác**

{a} Tổng Công ty nhận lại tiền đặt cọc góp vốn xây dựng Toà nhà tại khu trụ sở các Tổng Công ty - Khu đô thị mới Cầu Giấy - Hà Nội. Quyết định số 4982/QĐ-UBND ngày 24/9/2024 của UBND thành phố Hà Nội chấm dứt giao chủ đầu tư nghiên cứu lập dự án đầu tư tại 11 ô đất theo Quyết định số 1987/QĐ-UBND ngày 11/11/2008 của UBND thành phố Hà Nội. Theo đó, số vốn góp như sau:

- Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (nay là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP): 845.500.000 VND;
- Đối tượng khác: 3.604.500.000 VND.

Theo Công văn số 971/CV-MIE-ĐDV ngày 22/11/2024 của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP, Tổng Công ty sẽ phối hợp với Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Sài Gòn - Hà Nội để thực hiện các thủ tục liên quan đến việc chấm dứt dự án trên. Các bên sẽ tập hợp hồ sơ, chứng từ về toàn bộ chi phí thực hiện các thủ tục nghiên cứu lập dự án trên ô đất ký hiệu 18-E4 tại Khu trụ sở các Tổng Công ty tại Khu đô thị mới Cầu Giấy, Hà Nội.

{b} Theo Hợp đồng Hợp tác kinh doanh số 68/HĐ-KD ngày 10/5/2010 và Phụ lục hợp đồng số 02 giữa Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung (Công ty con) với Công ty Cổ phần Đầu tư và Kinh doanh Bất động sản và Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Thăng Long, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung được nhận bàn giao 3.500 m2 sàn nhà văn phòng của Dự án Tincom City tại 360 đường Giải Phóng, phường Phương Liệt, thành phố Hà Nội. Theo hướng dẫn tại Công văn số 7818/BTC-TCDN ngày 12/6/2015 của Bộ tài chính về việc xử lý tồn tại khi cổ phần hoá Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp (nay là Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP) thì Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung thực hiện hạch toán tăng tài sản, tăng vốn Nhà nước theo giá trị thực tế tại thời điểm nhận bàn giao. Hiện tại, Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung đang ghi nhận tăng tài sản nhưng chưa ghi nhận tăng vốn Nhà nước (tạm ghi nhận tăng khoản phải trả khác). Sau khi được sự đồng ý của Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP (Công ty mẹ) và hướng dẫn của Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH (Đại diện chủ sở hữu Nhà nước tại Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP), Công ty TNHH MTV Cơ khí Quang Trung sẽ ghi nhận tăng vốn Nhà nước theo giá trị tài sản được thẩm định giá.

7.2 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

- Ngày 14/7/2026, Tổng Công ty Máy và Thiết bị công nghiệp - CTCP đã gửi Công văn số 559/CV-MIE-TCKT về việc đề nghị huỷ tư cách công ty đại chúng đối với Tổng Công ty do Tổng Công ty không còn đáp ứng điều kiện công ty đại chúng tới Ủy ban Chứng khoán Nhà nước - Bộ Tài chính;
- Ngày 28/7/2026, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có Công văn phúc đáp số 7021/UBCK-GSĐC tới Tổng Công ty. Theo đó, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đề nghị Tổng Công ty tiếp tục theo dõi việc đáp ứng điều kiện công ty đại chúng trong 01 năm kể từ ngày 21/01/2026. Sau ngày 21/01/2027 mà Tổng Công ty vẫn không đáp ứng điều kiện công ty đại chúng thì Tổng Công ty gửi văn bản thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.3 Giao dịch đối với các Bên liên quan

Danh sách các Bên liên quan của Tổng Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước - Công ty TNHH	Cổ đông lớn và có ảnh hưởng đáng kể
Cá nhân	
Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, người quản lý khác và các thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân là bên liên quan của Tổng Công ty	Ảnh hưởng đáng kể

Trong kỳ, Tổng Công ty có các giao dịch sau với các Bên liên quan:

Giao dịch với các nhân sự chủ chốt

Lương, thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác

Thu nhập của thành viên chủ chốt	Giao dịch	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026	Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025
		VND	VND
Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Người quản lý khác	Tiền lương và thù lao	1.145.508.000	1.689.714.152
Ban Kiểm soát		192.000.000	320.760.000
Tổng		1.337.508.000	2.010.474.152

7.4 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026 là kỳ kế toán đầu tiên Tổng Công ty áp dụng chế độ kế toán ban hành kèm theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính, do đó Tổng Công ty đã trình bày lại một số chỉ tiêu đầu kỳ trên Báo cáo tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty như sau:

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	01/01/2026	31/12/2025	01/01/2026
	Trình bày lại	Trước điều chỉnh	Chênh lệch
	{1}	{2}	{3} = {1} - {2}
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN			
1. Các khoản tương đương tiền	47.548.001.154	47.523.716.431	24.284.723
2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	188.434.229.286	186.289.479.269	2.144.750.017
3. Phải thu ngắn hạn khác	78.176.583.328	80.392.048.205	-2.215.464.877
B. TÀI SẢN DÀI HẠN			
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn	1.546.430.137	1.500.000.000	46.430.137

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (TIẾP THEO)

Cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2026

7.4 Thông tin so sánh (Tiếp theo)

Thông tin so sánh trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và các thuyết minh liên quan là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 30/6/2025 đã được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

Người lập



Nguyễn Trung Kiên

Phụ trách kế toán



Nguyễn Hữu Hiền

Tổng Giám đốc



Vũ Trung Thực